

Số: /BC-TTĐVVV

Son La, ngày tháng 9 năm 2022

BÁO CÁO
Tình hình thực hiện Bảo hiểm thất nghiệp
Tháng 9 năm 2022

Kính gửi:

- Cục Việc làm (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội);
- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Sơn La.

I. Tình hình tiếp nhận và giải quyết các chế độ bảo hiểm thất nghiệp.

TT	Nội dung		Số lượng	Lũy kế	
1	Số người nộp hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp (TCTN) (người)		294	2388	
	Trong đó: số người ở địa phương khác nộp hồ sơ đề nghị hưởng TCTN (người)		193	1594	
2	Số người nộp hồ sơ nhưng không đủ điều kiện hưởng TCTN (người), không có nhu cầu hưởng		12	97	
3	Số người có quyết định hưởng TCTN hàng tháng (người)	Tổng		286	2287
		Nam	< = 24 tuổi	15	108
			25 - 40 tuổi	101	849
			> 40 tuổi	29	163
		Nữ	< = 24 tuổi	23	162
			25 - 40 tuổi	95	867
> 40 tuổi	23		138		
4	Số người bị hủy quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp (người)		3	29	
35	Số người chuyển nơi hưởng TCTN (người)	Chuyển đi	0	5	
		Chuyển đến	0	7	
6	Số người tạm dừng trợ cấp thất nghiệp (người)		13	65	
7	Số người tiếp tục hưởng trợ cấp thất nghiệp (người)		5	13	

8	Số người chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp (người)	Tổng	343	2126	
		Trong đó: Hết thời gian hưởng	333	2067	
		Trong đó: Có việc làm	8	50	
		Trong đó: Không thông báo tìm kiếm VL trong 03 tháng liên tục	2	7	
		Trong đó: Bị xử phạt vi phạm hành chính về bảo hiểm thất nghiệp	0	0	
		Khác	0	2	
9	Số người được tư vấn, giới thiệu việc làm (lượt)		1627	6822	
	Trong đó: số người được giới thiệu việc làm (người)		0	14	
10	Số người có quyết định hỗ trợ học nghề (người)	Tổng	1	6	
		Trong đó: số người đang hưởng TCTN được hỗ trợ học nghề	1	6	
11	Số người hủy quyết định hỗ trợ học nghề (người)		0	0	
12	Số tiền chi trợ cấp thất nghiệp, hỗ trợ học nghề theo quyết định (triệu đồng)	Tổng	4320,5	29986,2	
		Số tiền chi trợ cấp thất nghiệp	4316	29955	
		03 tháng – 06 tháng	Số quyết định	217	1936
			Số tiền chi TCTN	2113	18702
		Trong đó: QĐ 3 tháng	Số quyết định	161	1500
			Số tiền chi TCTN	1348	12704
		07 tháng – 12 tháng	Số quyết định	69	351
			Số tiền chi TCTN	2203	11253
		Số tiền chi hỗ trợ học nghề		4,5	31,2
		Số tiền chi đối với người đang hưởng TCTN được hỗ trợ học nghề		4,5	31,2
Số tiền chi đối với người không thuộc diện đang hưởng TCTN được hỗ trợ học nghề		0	0		
13	Mức hưởng TCTN bình quân (triệu đồng)		2,9		
14	Số người lao động có mức hưởng TCTN tối đa (người)				
15	Số tháng hưởng TCTN bình quân (tháng)		5,1		

II. Đánh giá tình hình thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp, các giải pháp và các kiến nghị:

Trong tháng 8 năm 2022 tình hình lao động thất nghiệp tỉnh Sơn La có những biến động (*thông tin chi tiết về việc thực hiện các chế độ bảo hiểm thất nghiệp tháng 8 năm 2022 ban hành kèm theo báo cáo*) cụ thể như sau:

- Trong tháng số lao động đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp dần ổn định. Lao động nghỉ việc chủ yếu chủ yếu làm việc tại các công ty, doanh nghiệp ngoài tỉnh chiếm 66% nghỉ việc trở về địa phương tìm công việc gần nhà, làm nương, rẫy ... Số lao động làm việc trong tỉnh nghỉ việc chủ yếu thuộc công ty cổ phần Cao su Sơn La do công việc không đảm bảo, công nhân xin nghỉ để tìm công việc khác phù hợp hơn.

- Nguyên nhân thất nghiệp chủ yếu là do chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc trước thời hạn chiếm 98%; do hết hạn hợp đồng chiếm 2%; không có người lao động mất việc làm do bị xử lý kỷ luật, sa thải, người người lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc trái pháp luật.

- Chuyên môn của người lao động thất nghiệp xảy ra ở các trình độ khác nhau trong đó chủ yếu là lao động không có bằng cấp chứng chỉ chiếm 80% nên hay thay đổi công việc; đại học chiếm 4%; số còn lại có bằng cấp chứng chỉ nhưng chủ yếu là trung cấp nghề, trung học chuyên nghiệp hoặc có chứng nhận chứng chỉ nghề sơ cấp, cao đẳng nghề, cao đẳng chuyên nghiệp.

- Thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp qua cổng Dịch vụ công Quốc gia trong tháng đã có 01 hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia tuy nhiên hồ sơ bị từ chối giải quyết do thông tin hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp bị sai.

- Nghề nghiệp trước khi người lao động thất nghiệp chủ yếu là nghề trong lĩnh vực nông lâm nghiệp thợ lắp ráp, thợ may, thêu, nhóm ngành nghề khác. Ngành làm việc của người lao động trước khi thất nghiệp chủ yếu thuộc nhóm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo và các hoạt động dịch vụ khác.

- Công tác tư vấn giới thiệu cho người lao động thất nghiệp trở lại thị trường lao động, tổ chức tư vấn học nghề để chuyển đổi nghề, nâng cao tay nghề cho lao động để giúp lao động sớm tiếp tục tham gia vào thị trường lao động đã được tăng cường. Lao động đến trung tâm đều được tư vấn giới thiệu việc làm tuy nhiên hiệu quả chưa cao do thị trường lao động tại Sơn La chưa đa dạng, phong phú, chưa đáp ứng được nhu cầu của lao động, phần lớn lao động thất nghiệp trên 35 tuổi nên gặp khó khăn trong tìm kiếm việc làm nhất là trong các khu vực có quan hệ lao động do xu hướng “thải loại lao động có tuổi”.

- Việc phối hợp thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp giữa trung tâm với bảo hiểm xã hội tỉnh, các ban ngành luôn được quan tâm và tương đối chặt chẽ, được tiếp thu các ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trong việc thực hiện chính sách Bảo hiểm thất nghiệp.

Tuy nhiên trong quá trình thực hiện chính sách BHTN vẫn còn nhiều khó khăn như:

+ Việc cung cấp hợp đồng lao động đến tay người lao động còn chậm, nhiều lao động chưa tự giác khai báo về việc có việc làm gây khó khăn trong việc thực hiện chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp.

+ Phần mềm thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp và cổng thông tin bảo hiểm xã hội hiện không sử dụng được vì vậy ảnh hưởng đến tiến độ làm việc cũng như tính chính xác của hồ sơ cũng như việc cập nhật thông tin lao động có việc làm không được kịp thời, thực hiện báo cáo theo quy định gặp nhiều khó khăn.

+ Việc thực hiện giải quyết hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp qua cổng Dịch vụ công quốc gia còn nhiều khó khăn do người lao động không được tư vấn trước khi nộp hồ sơ vì vậy hồ sơ bị nộp sai thông tin, hồ sơ có nhiều mã số sổ bảo hiểm xã hội... vì vậy quyền lợi của lao động bị hạn chế.

+ Số lượng người đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp ngày càng tăng, có nhiều biểu hiện ngày càng phức tạp (trục lợi...) mà số cán bộ thực hiện chính sách BHTN do Cục việc làm giao còn ít vì vậy chưa phân chia phòng BHTN thành các bộ phận chuyên biệt để giải quyết chính sách BHTN đạt hiệu quả cao hơn.

Một số giải pháp triển khai thực hiện trong thời gian tới như sau:

1. Phối hợp chặt chẽ với cơ quan Bảo hiểm xã hội và ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, tăng cường phối hợp với đơn vị sự nghiệp, các doanh nghiệp, các đơn vị liên quan; Tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn chế độ chính sách Bảo hiểm thất nghiệp đến người lao động và chủ sử dụng lao động.

2. Triển khai và thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ phòng tư vấn ban đầu nhằm nâng cao hiệu quả công tác tư vấn, giới thiệu việc làm và học nghề cho người lao động.

3. Tổ chức các hội nghị tuyên truyền cho người lao động trên địa bàn toàn tỉnh, hội nghị tập huấn cho cán bộ trung tâm nhằm nâng cao kỹ năng, chuyên môn nghiệp vụ trong quá trình giải quyết bảo hiểm thất nghiệp.

4. Tiếp tục học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ trong thực giải quyết chính sách bảo hiểm thất nghiệp.

5. Tổ chức thu thập thông tin về nhu cầu tuyển dụng lao động tại các công ty, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Sơn La; Tăng cường công tác tư vấn giới thiệu việc làm qua nhiều hình thức nhằm mục đích nâng cao hiệu quả công tác giới thiệu việc làm cho lao động hưởng trợ cấp thất nghiệp.

6. Tăng cường thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách bảo hiểm thất nghiệp tới người lao động, người sử dụng lao động trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Kiến nghị

Kính đề nghị Cục Việc làm (Bộ lao động – Thương binh và Xã hội):

+ Giao thêm định xuất lao động để Trung tâm bố trí cán bộ trong quá trình giải quyết chế độ bảo hiểm thất nghiệp.

+ Nâng cấp phần mềm thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp để quá trình giải quyết chế độ bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động đạt hiệu quả cao hơn.

+ Phối hợp Bảo hiểm xã hội Việt Nam hoàn thiện việc kết nối cơ sở dữ liệu về bảo hiểm thất nghiệp với cơ quan Bảo hiểm xã hội để thực hiện giải quyết các chế độ bảo hiểm thất nghiệp được tốt hơn.

Trên đây là báo cáo tháng 8 năm 2022 của Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh Sơn La về tình hình thực hiện bảo hiểm thất nghiệp trên địa bàn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, BHTN.

GIÁM ĐỐC**Vũ Quang Khải**

THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ VIỆC**Thực hiện các chế độ bảo hiểm thất nghiệp tháng 8 năm 2022***(Ban hành kèm theo Báo cáo số: /BC-TTĐVVL ngày /9/2022)***I. Thông tin về tham gia bảo hiểm thất nghiệp**

STT	NỘI DUNG	SỐ LƯỢNG
1	Số doanh nghiệp, tổ chức tham gia bảo hiểm thất nghiệp (đơn vị)	2164
2	Số người tham gia bảo hiểm thất nghiệp (người lao động)	48479

II. Thông tin về người lao động nộp hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp

STT	NỘI DUNG		SỐ LƯỢNG
I	HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG/HỢP ĐỒNG LÀM VIỆC CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG TRƯỚC KHI THẤT NGHIỆP (số người)		
1	Hợp đồng lao động từ 3 tháng đến dưới 12 tháng		0
2	Hợp đồng lao động từ 12 đến 36 tháng		232
3	Hợp đồng lao động không xác định thời hạn		61
4	Hợp đồng làm việc		1
II	NGUYÊN NHÂN THẤT NGHIỆP (số người)		
1	Do doanh nghiệp, tổ chức giải thể, phá sản, thay đổi cơ cấu...		0
2	Hết hạn hợp đồng lao động/hợp đồng làm việc		6
3	Chấm dứt hợp đồng lao động/ hợp đồng làm việc trước thời hạn		288
4	NLĐ bị xử lý kỷ luật, sa thải		0
5	Do đơn phương chấm dứt chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc trái pháp luật		0
6	Mất việc làm do nguyên nhân khác		0
III	GIỚI TÍNH, ĐỘ TUỔI CỦA NGƯỜI HƯỞNG TRỢ CẤP THẤT NGHIỆP (số người)		
1	Nam	Dưới 35 tuổi	112
		Từ 35 tuổi trở lên	42
2	Nữ	Dưới 35 tuổi	109
		Từ 35 tuổi trở lên	31
IV	TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN CỦA NGƯỜI HƯỞNG TRỢ CẤP THẤT NGHIỆP (số người)		

1	Người lao động không có bằng cấp chứng chỉ	235
2	Người lao động có chứng nhận, chứng chỉ nghề sơ cấp	2
3	Trung cấp nghề, trung học chuyên nghiệp	22
4	Cao đẳng nghề, cao đẳng chuyên nghiệp	22
5	Đại học và trên đại học	13
V	NGHỀ NGHIỆP TRƯỚC KHI NGƯỜI LAO ĐỘNG THẤT NGHIỆP (số người)	
1	Kế toán	1
2	Nhân viên bán hàng	20
3	Tư vấn tài chính, đầu tư	1
4	Giao dịch viên ngân hàng	0
5	Phân tích phát triển phần mềm và các ứng dụng	0
6	Kỹ thuật xây dựng	0
7	Kỹ thuật viên điện tử	0
8	Luật sư	0
9	Bác sỹ y khoa	2
10	Giáo viên dạy nghề	0
11	Lao động trồng trọt và làm vườn	26
12	Đầu bếp	0
13	Hướng dẫn viên du lịch	0
14	Thợ hàn	0
15	Thợ may, thêu và các thợ có liên quan	32
16	Thợ lắp ráp	98
17	Lái xe khách, xe tải, xe máy	2
18	Người quét dọn và giúp việc gia đình, khách sạn và văn phòng	2
19	Nhân viên dịch vụ bảo vệ	4
20	Người đưa tin, người giao hàng	0
21	Nghề nghiệp khác	106
VI	NGÀNH LÀM VIỆC TRƯỚC KHI HƯỞNG TCTN	
1	Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	38
2	Khai khoáng	2
3	Công nghiệp chế biến, chế tạo	180
4	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, hơi nước và điều hòa không khí	0

5	Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	1
6	Xây dựng	8
7	Bán buôn và bán lẻ; Sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác.	16
8	Vận tải, kho bãi	0
9	Dịch vụ lưu trú và ăn uống	6
10	Thông tin và truyền thông	2
11	Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	3
12	Hoạt động kinh doanh bất động sản	0
13	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	0
14	Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	0
15	Hoạt động của ĐCS, tổ chức CT – XH, QLNN, ANQP, BĐXH bắt buộc	2
16	Giáo dục và đào tạo	9
17	Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	3
18	Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	1
19	Hoạt động dịch vụ khác	23
20	Hoạt động làm thuê và các công việc trong hộ gia đình	0
21	Hoạt động của các tổ chức và cơ quan quốc tế	0
VII	LOẠI HÌNH TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP NGƯỜI THẤT NGHIỆP ĐÃ LÀM VIỆC TRƯỚC KHI HƯỞNG TCTN (số người)	
1	Đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị xã hội	7
2	Doanh nghiệp nhà nước	6
3	Doanh nghiệp tư nhân	144
4	Doanh nghiệp nước ngoài (FDI).	137
5	Hợp tác xã	0
6	Cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể, hộ kinh doanh	0
VIII	DOANH NGHIỆP THUỘC KHU CÔNG NGHIỆP, KCX (số người)	
1	Doanh nghiệp thuộc khu công nghiệp, khu chế xuất	141
2	Doanh nghiệp không thuộc KCN, KCX	153
IX	HỖ TRỢ HỌC NGHỀ	
1	Tổng số người hoàn thành khóa học nghề	0
2	Số người tìm được việc làm bằng nghề đã được hỗ trợ học nghề	0
X	NGHỀ ĐÀO TẠO NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ HỌC NGHỀ (số người)	

1	Lái xe ô tô	
2	Sửa chữa xe máy/ Ô tô	
3	May mặc, da giày	
4	Thiết kế/ Quảng cáo	
5	Điện công nghiệp	
6	Điện dân dụng	
7	Tin học văn phòng	
8	Sửa chữa, lắp ráp máy tính	
9	Kỹ thuật nấu ăn	
10	Các nghề khác....	